

TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG - LÂM BẮC GIANG
HỘI ĐỒNG THI CẤP CHỨNG CHỈ
ỨNG DỤNG CNTT CƠ BẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH ĐỦ ĐIỀU KIỆN CẤP CHỨNG CHỈ ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN CƠ BẢN

(Ban hành kèm theo quyết định số 666/QĐ-ĐHNLBG-NNTH ngày 02/11/2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Nông-Lâm Bắc Giang)

NGÀY THI: 16,17/10/2020

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
1	CNTT01	Lương Tuấn Anh	10/12/1981	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	7,0	DBG004374	CNTT/20/4403	Đạt	
2	CNTT02	Nguyễn Thị Phương Anh	28/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,0	7,0	DBG004375	CNTT/20/4404	Đạt	
3	CNTT03	Nguyễn Thị Chi	30/05/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG004376	CNTT/20/4405	Đạt	
4	CNTT04	Hoàng Anh Cường	29/12/1979	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,7	6,5	DBG004377	CNTT/20/4406	Đạt	
5	CNTT05	Vũ Thị Dung	10/10/1980	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG004378	CNTT/20/4407	Đạt	
6	CNTT06	Đào Duy Dũng	16/06/1997	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,5	7,0	DBG004379	CNTT/20/4408	Đạt	
7	CNTT07	Hoàng Thị Hà	28/09/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	6,0	DBG004380	CNTT/20/4409	Đạt	
8	CNTT08	Giáp Thị Hằng	30/06/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG004381	CNTT/20/4410	Đạt	
9	CNTT09	Phạm Thị Hằng	17/11/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG004382	CNTT/20/4411	Đạt	
10	CNTT10	Hoàng Thị Hè	19/04/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG004383	CNTT/20/4412	Đạt	
11	CNTT11	Phạm Thị Phương Hoa	13/02/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,0	DBG004384	CNTT/20/4413	Đạt	
12	CNTT12	Trần Thị Hồng	08/11/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	6,0	DBG004385	CNTT/20/4414	Đạt	
13	CNTT14	Dương Thị Huệ	23/04/1995	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG004386	CNTT/20/4415	Đạt	
14	CNTT15	Trần Thị Thúy Huyền	10/10/1975	Vĩnh Phúc	Nữ	Kinh	7,2	6,5	DBG004387	CNTT/20/4416	Đạt	
15	CNTT16	Trần Thị Hương	13/07/1987	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,5	DBG004388	CNTT/20/4417	Đạt	
16	CNTT17	Hà Thị Khoa	06/09/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG004389	CNTT/20/4418	Đạt	
17	CNTT19	Ngô Thị Diễm Linh	15/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG004390	CNTT/20/4419	Đạt	
18	CNTT20	Tăng Thị Lý	02/12/1988	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG004391	CNTT/20/4420	Đạt	
19	CNTT21	Nguyễn Thị Mai	24/04/1985	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG004392	CNTT/20/4421	Đạt	
20	CNTT22	Vũ Thanh Nga	19/05/1979	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG004393	CNTT/20/4422	Đạt	
21	CNTT24	Vi Thị Nhất	10/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	7,0	DBG004394	CNTT/20/4423	Đạt	
22	CNTT25	Tạ Như Quỳnh	25/07/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,5	DBG004395	CNTT/20/4424	Đạt	
23	CNTT26	Nguyễn Thị Tân	07/11/1991	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG004396	CNTT/20/4425	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
24	CNTT27	Vi Thị Thảo	12/05/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	6,5	DBG004397	CNTT/20/4426	Đạt	
25	CNTT28	Nguyễn Quang Tiến	10/09/1993	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,7	8,0	DBG004398	CNTT/20/4427	Đạt	
26	CNTT29	Nguy Thị Trang	13/07/1992	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG004601	CNTT/20/4428	Đạt	
27	CNTT30	Ngô Thị Uyên	27/03/1999	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,2	7,5	DBG004399	CNTT/20/4429	Đạt	
28	CNTT31	Lương Thị Dung	25/11/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG004400	CNTT/20/4430	Đạt	
29	CNTT32	Trần Khánh Duy	10/04/1996	Yên Bái	Nam	Kinh	8,7	7,0	DBG004401	CNTT/20/4431	Đạt	
30	CNTT33	Nguyễn Ánh Dương	23/08/1996	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	DBG004402	CNTT/20/4432	Đạt	
31	CNTT34	Đỗ Thị Hằng	16/02/1974	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,5	DBG004403	CNTT/20/4433	Đạt	
32	CNTT35	Diêm Đức Hân	06/05/1989	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,2	7,5	DBG004404	CNTT/20/4434	Đạt	
33	CNTT36	Nguyễn Thị Hiền	07/05/1996	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	6,5	DBG004405	CNTT/20/4435	Đạt	
34	CNTT38	Chu Ánh Hồng	20/07/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,5	8,0	DBG004406	CNTT/20/4436	Đạt	
35	CNTT39	Ngô Thị Hồng	24/12/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG004407	CNTT/20/4437	Đạt	
36	CNTT40	Phan Quốc Hưng	23/05/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	7,5	DBG004408	CNTT/20/4438	Đạt	
37	CNTT41	Nguyễn Thị Mai Hương	13/05/1997	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	6,0	DBG004409	CNTT/20/4439	Đạt	
38	CNTT42	Nguyễn Thị Thu Hường	22/05/1989	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG004410	CNTT/20/4440	Đạt	
39	CNTT43	Lê Thị Ngọc Lan	01/08/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	8,0	DBG004411	CNTT/20/4441	Đạt	
40	CNTT44	Đặng Văn Linh	02/09/1987	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,7	6,5	DBG004412	CNTT/20/4442	Đạt	
41	CNTT45	Nguyễn Thị Mai Linh	30/06/1993	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	7,0	DBG004413	CNTT/20/4443	Đạt	
42	CNTT46	Nguyễn Thị Ngân	07/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG004414	CNTT/20/4444	Đạt	
43	CNTT47	Đinh Văn Nguyên	23/06/1989	Bắc Giang	Nam	Dao	6,0	6,5	DBG004415	CNTT/20/4445	Đạt	
44	CNTT48	Đỗ Thị Minh Nguyệt	06/02/1978	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,2	8,0	DBG004416	CNTT/20/4446	Đạt	
45	CNTT49	Nguyễn Văn Quân	11/05/1978	Bắc Giang	Nam	Kinh	6,2	6,5	DBG004417	CNTT/20/4447	Đạt	
46	CNTT50	Triệu Thị Soạn	10/08/1983	Bắc Giang	Nữ	Dao	6,2	7,0	DBG004418	CNTT/20/4448	Đạt	
47	CNTT51	Lê Thị Thanh	09/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,5	7,0	DBG004419	CNTT/20/4449	Đạt	
48	CNTT52	Dương Thị Thảo	04/03/1988	Bắc Giang	Nữ	Nùng	6,5	7,0	DBG004420	CNTT/20/4450	Đạt	
49	CNTT53	Lương Văn Thủy	02/03/1984	Bắc Giang	Nam	Kinh	8,0	6,5	DBG004421	CNTT/20/4451	Đạt	
50	CNTT54	Nguyễn Thị Hồng Trang	13/09/1998	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,0	7,5	DBG004422	CNTT/20/4452	Đạt	
51	CNTT55	Nguyễn Thị Huyền Trang	08/12/1994	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG004423	CNTT/20/4453	Đạt	
52	CNTT56	Nguyễn Văn Tùng	25/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	7,0	DBG004424	CNTT/20/4454	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
53	CNTT57	Đỗ Thị Tuyết	14/02/1973	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG004425	CNTT/20/4455	Đạt	
54	CNTT58	Nguyễn Thị Uyên	09/09/1975	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,7	7,0	DBG004426	CNTT/20/4456	Đạt	
55	CNTT59	Nông Thị Uyên	10/07/1998	Bắc Giang	Nữ	Nùng	7,7	6,5	DBG004427	CNTT/20/4457	Đạt	
56	CNTT60	Vũ Thị Thu Uyên	17/09/1999	Bắc Giang	Nữ	Kinh	7,7	7,0	DBG004428	CNTT/20/4458	Đạt	
57	CNTT61	Phạm Thế Anh	23/09/1989	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	7,0	DBG004429	CNTT/20/4459	Đạt	
58	CNTT62	Nguyễn Việt Ánh	06/10/1986	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,7	6,5	DBG004430	CNTT/20/4460	Đạt	
59	CNTT63	Nông Thị Ngọc Ánh	21/10/1997	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,5	DBG004431	CNTT/20/4461	Đạt	
60	CNTT64	Nguyễn Minh Cường	27/04/1973	Lạng Sơn	Nam	Kinh	6,5	6,0	DBG004432	CNTT/20/4462	Đạt	
61	CNTT65	Hoàng Hương Dương	30/08/1988	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG004433	CNTT/20/4463	Đạt	
62	CNTT66	Trần Thị Hồng Hà	18/02/1991	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	DBG004434	CNTT/20/4464	Đạt	
63	CNTT67	Nguyễn Trung Hậu	06/06/1985	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG004435	CNTT/20/4465	Đạt	
64	CNTT68	Nông Thị Hiền	18/12/1992	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	7,5	DBG004436	CNTT/20/4466	Đạt	
65	CNTT69	Triệu Thị Hiền	28/01/1975	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,0	DBG004437	CNTT/20/4467	Đạt	
66	CNTT70	Nguyễn Anh Hoàng	22/09/1989	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,2	7,0	DBG004438	CNTT/20/4468	Đạt	
67	CNTT71	Nguyễn Sơn Hoàng	08/12/1989	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,0	7,5	DBG004439	CNTT/20/4469	Đạt	
68	CNTT72	Long Văn Huân	27/04/1986	Lạng Sơn	Nam	Nùng	6,7	7,5	DBG004440	CNTT/20/4470	Đạt	
69	CNTT73	Phùng Thị Huệ	03/08/1977	Bắc Giang	Nữ	Kinh	6,5	6,5	DBG004441	CNTT/20/4471	Đạt	
70	CNTT74	Hoàng Thu Huyền	15/12/1976	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	DBG004442	CNTT/20/4472	Đạt	
71	CNTT75	Trần Thanh Huyền	16/11/1987	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	DBG004443	CNTT/20/4473	Đạt	
72	CNTT76	Vì Thị Hương	06/07/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,2	7,5	DBG004444	CNTT/20/4474	Đạt	
73	CNTT77	Hoàng Thị Lan	14/05/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,2	6,0	DBG004445	CNTT/20/4475	Đạt	
74	CNTT78	Nguyễn Hương Ly	10/12/1986	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	7,5	7,5	DBG004446	CNTT/20/4476	Đạt	
75	CNTT79	Nguyễn Hồng Nhung	01/02/1998	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	6,0	DBG004447	CNTT/20/4477	Đạt	
76	CNTT80	Phùng Thị Sen	11/12/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	DBG004448	CNTT/20/4478	Đạt	
77	CNTT81	Lê Thị Thủy	11/06/1990	Lạng Sơn	Nữ	Tày	7,5	7,0	DBG004449	CNTT/20/4479	Đạt	
78	CNTT82	Hoàng Thị Tình	08/12/1980	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,5	7,5	DBG004450	CNTT/20/4480	Đạt	
79	CNTT83	Lăng Minh Tuấn	23/01/1992	Lạng Sơn	Nam	Nùng	7,2	6,0	DBG004451	CNTT/20/4481	Đạt	
80	CNTT84	Nguyễn Anh Tuấn	29/05/1988	Bắc Giang	Nam	Kinh	7,0	6,5	DBG004452	CNTT/20/4482	Đạt	
81	CNTT85	Chu Thị Tươi	11/06/1989	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	7,5	DBG004453	CNTT/20/4483	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
82	CNTT86	Nông Thị Vui	30/01/1983	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	6,7	6,0	DBG004454	CNTT/20/4484	Đạt	
83	CNTT87	Hoàng Thị Trường Xa	05/02/1985	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	7,0	7,0	DBG004455	CNTT/20/4485	Đạt	
84	CNTT88	Hứa Minh Anh	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	DBG004456	CNTT/20/4486	Đạt	
85	CNTT89	Lâm Thị Vân Anh	19/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	7,0	DBG004457	CNTT/20/4487	Đạt	
86	CNTT90	Lê Hoàng Anh	08/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	7,0	DBG004458	CNTT/20/4488	Đạt	
87	CNTT91	Lê Hoàng Anh	02/07/1999	Lạng Sơn	Nam	Kinh	7,0	6,0	DBG004459	CNTT/20/4489	Đạt	
88	CNTT92	Lương Tuấn Anh	06/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	DBG004460	CNTT/20/4490	Đạt	
89	CNTT93	Lý Đức Anh	16/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004461	CNTT/20/4491	Đạt	
90	CNTT94	Ngô Trung Anh	05/02/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004462	CNTT/20/4492	Đạt	
91	CNTT95	Nguyễn Đình Anh	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	DBG004463	CNTT/20/4493	Đạt	
92	CNTT96	Nguyễn Huyền Anh	10/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG004464	CNTT/20/4494	Đạt	
93	CNTT97	Nguyễn Tiến Anh	29/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004465	CNTT/20/4495	Đạt	
94	CNTT98	Nông Hà Anh	15/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	6,5	DBG004466	CNTT/20/4496	Đạt	
95	CNTT99	Nguyễn Ngọc Ánh	28/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,0	DBG004467	CNTT/20/4497	Đạt	
96	CNTT100	Nguyễn Kim Bách	22/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004468	CNTT/20/4498	Đạt	
97	CNTT101	Vũ Quốc Bảo	15/06/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004469	CNTT/20/4499	Đạt	
98	CNTT102	Lăng Thị Ngọc Bích	28/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG004470	CNTT/20/4500	Đạt	
99	CNTT103	Mã Lệ Bình	30/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	DBG004471	CNTT/20/4501	Đạt	
100	CNTT104	Hoàng Thúy Chang	05/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,2	5,5	DBG004472	CNTT/20/4502	Đạt	
101	CNTT105	Nguyễn Bảo Ngọc Châu	06/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	6,0	DBG004473	CNTT/20/4503	Đạt	
102	CNTT106	Nguyễn Ngọc Châu	14/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004474	CNTT/20/4504	Đạt	
103	CNTT107	Nguyễn Thị Quỳnh Chi	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,0	DBG004475	CNTT/20/4505	Đạt	
104	CNTT108	Vì Thị Chi	28/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,0	DBG004476	CNTT/20/4506	Đạt	
105	CNTT109	Mè Quang Chiến	01/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004477	CNTT/20/4507	Đạt	
106	CNTT110	Hoàng Thị Phương Chính	12/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,0	DBG004478	CNTT/20/4508	Đạt	
107	CNTT111	Trần Đức Chính	22/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG004479	CNTT/20/4509	Đạt	
108	CNTT112	Lý Quang Chung	17/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004480	CNTT/20/4510	Đạt	
109	CNTT113	Nguyễn Đức Chương	02/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004481	CNTT/20/4511	Đạt	
110	CNTT114	Hoàng Thanh Cúc	04/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,5	DBG004482	CNTT/20/4512	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
111	CNTT115	Phùng Văn	Cương	15/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004483	CNTT/20/4513	Đạt	
112	CNTT116	Nguyễn Mạnh	Cường	02/11/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004484	CNTT/20/4514	Đạt	
113	CNTT117	Nguyễn Quốc	Cường	21/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,5	DBG004485	CNTT/20/4515	Đạt	
114	CNTT118	Dương Thị	Dung	26/03/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	6,5	DBG004486	CNTT/20/4516	Đạt	
115	CNTT119	Hứa Tiến	Dũng	30/04/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	DBG004487	CNTT/20/4517	Đạt	
116	CNTT120	Linh Mạnh	Dũng	11/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004488	CNTT/20/4518	Đạt	
117	CNTT121	Linh Quốc	Dũng	21/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	DBG004489	CNTT/20/4519	Đạt	
118	CNTT122	Nguyễn Đình	Dũng	05/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG004490	CNTT/20/4520	Đạt	
119	CNTT123	Phùng Văn	Dũng	26/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG004491	CNTT/20/4521	Đạt	
120	CNTT124	Vi Hoàng	Duy	14/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004492	CNTT/20/4522	Đạt	
121	CNTT125	Vy Đức	Duy	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	DBG004493	CNTT/20/4523	Đạt	
122	CNTT126	Hoàng Bảo	Dương	06/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	DBG004494	CNTT/20/4524	Đạt	
123	CNTT127	Hoàng Văn	Dương	15/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004495	CNTT/20/4525	Đạt	
124	CNTT128	Lê Thùy	Dương	21/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,5	DBG004496	CNTT/20/4526	Đạt	
125	CNTT129	Bùi Hoàng	Đại	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004497	CNTT/20/4527	Đạt	
126	CNTT130	Nguyễn Phùng	Đại	18/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	6,5	DBG004498	CNTT/20/4528	Đạt	
127	CNTT131	Vi Thị	Đạo	25/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,5	DBG004499	CNTT/20/4529	Đạt	
128	CNTT132	Ngô Tiến	Đạt	29/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,5	DBG004500	CNTT/20/4530	Đạt	
129	CNTT133	Vi Văn	Đạt	27/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	6,0	DBG004501	CNTT/20/4531	Đạt	
130	CNTT134	Hứa Ngọc	Độ	19/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	DBG004502	CNTT/20/4532	Đạt	
131	CNTT135	Nguyễn Công Minh	Đức	29/04/2003	Hưng yên	Nam	Kinh	5,5	6,5	DBG004503	CNTT/20/4533	Đạt	
132	CNTT136	Triệu Văn	Đức	20/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004504	CNTT/20/4534	Đạt	
133	CNTT137	Phùng Thị	Giang	21/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	DBG004505	CNTT/20/4535	Đạt	
134	CNTT138	Vũ Minh	Giang	26/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	DBG004506	CNTT/20/4536	Đạt	
135	CNTT139	Đặng Quý	Hà	06/03/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004507	CNTT/20/4537	Đạt	
136	CNTT140	Hứa Văn	Hải	18/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004508	CNTT/20/4538	Đạt	
137	CNTT141	Nguyễn Văn	Hải	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004509	CNTT/20/4539	Đạt	
138	CNTT142	Phùng Ngọc	Hải	10/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,0	DBG004510	CNTT/20/4540	Đạt	
139	CNTT143	Hoàng Thị Mỹ	Hạnh	24/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	DBG004511	CNTT/20/4541	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
140	CNTT144	Chu Triệu Minh Hào	31/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004512	CNTT/20/4542	Đạt	
141	CNTT145	Nguyễn Thu Hằng	09/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG004513	CNTT/20/4543	Đạt	
142	CNTT146	Nguyễn Thúy Hằng	16/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG004514	CNTT/20/4544	Đạt	
143	CNTT147	Vì Thị Hằng	17/12/2001	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	5,0	DBG004515	CNTT/20/4545	Đạt	
144	CNTT148	Vì Công Hậu	27/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004516	CNTT/20/4546	Đạt	
145	CNTT149	Dương Thị Thu Hiền	08/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	DBG004517	CNTT/20/4547	Đạt	
146	CNTT150	Triệu Thúy Hiền	18/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,0	DBG004518	CNTT/20/4548	Đạt	
147	CNTT151	Chu Văn Hiếu	02/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG004519	CNTT/20/4549	Đạt	
148	CNTT152	Hoàng Đức Hiếu	05/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004520	CNTT/20/4550	Đạt	
149	CNTT153	Chu Thị Hoài	13/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,5	DBG004521	CNTT/20/4551	Đạt	
150	CNTT154	Lý Thu Hoài	11/01/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	DBG004522	CNTT/20/4552	Đạt	
151	CNTT155	Nguyễn Thị Hoài	07/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG004523	CNTT/20/4553	Đạt	
152	CNTT156	Đỗ Đức Hoàn	21/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004524	CNTT/20/4554	Đạt	
153	CNTT157	Chu Việt Hoàng	08/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004525	CNTT/20/4555	Đạt	
154	CNTT158	Nguyễn Huy Hoàng	27/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004526	CNTT/20/4556	Đạt	
155	CNTT159	Phạm Như Hoàng	28/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,5	DBG004527	CNTT/20/4557	Đạt	
156	CNTT160	Sầm Văn Hoàng	25/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG004528	CNTT/20/4558	Đạt	
157	CNTT161	Triệu Việt Hoàng	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004529	CNTT/20/4559	Đạt	
158	CNTT162	Vì Ngọc Hoàng	20/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004530	CNTT/20/4560	Đạt	
159	CNTT163	Nguyễn Ngọc Hùng	12/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG004531	CNTT/20/4561	Đạt	
160	CNTT164	Nguyễn Xuân Hùng	24/12/2003	Hà Nội	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004532	CNTT/20/4562	Đạt	
161	CNTT165	Đỗ Quang Huy	01/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG004533	CNTT/20/4563	Đạt	
162	CNTT166	Hoàng Quang Huy	11/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG004534	CNTT/20/4564	Đạt	
163	CNTT167	Lê Quốc Huy	27/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG004535	CNTT/20/4565	Đạt	
164	CNTT168	Lý Anh Huy	13/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG004536	CNTT/20/4566	Đạt	
165	CNTT169	Ngô Quang Huy	04/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004537	CNTT/20/4567	Đạt	
166	CNTT170	Bùi Thanh Huyền	05/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	5,0	DBG004538	CNTT/20/4568	Đạt	
167	CNTT171	Hoàng Thị Ngọc Huyền	01/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	5,0	DBG004539	CNTT/20/4569	Đạt	
168	CNTT172	Nguyễn Văn Hưng	03/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	5,0	DBG004540	CNTT/20/4570	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
169	CNTT173	Phùng Tuấn	Hưng	13/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG004541	CNTT/20/4571	Đạt	
170	CNTT174	Nguyễn Ngọc	Khải	22/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG004542	CNTT/20/4572	Đạt	
171	CNTT175	Đoàn Ngọc	Khanh	03/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004543	CNTT/20/4573	Đạt	
172	CNTT176	Hoàng Chí	Khanh	18/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,0	DBG004544	CNTT/20/4574	Đạt	
173	CNTT177	Hoàng Duy	Khánh	04/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004545	CNTT/20/4575	Đạt	
174	CNTT178	Hoàng Văn	Khánh	13/01/2003	Bắc Giang	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004546	CNTT/20/4576	Đạt	
175	CNTT179	Lê Duy	Khánh	26/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG004547	CNTT/20/4577	Đạt	
176	CNTT180	Lý Nam	Khánh	23/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004548	CNTT/20/4578	Đạt	
177	CNTT181	Nguyễn Quang	Khánh	18/01/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG004549	CNTT/20/4579	Đạt	
178	CNTT182	Nông Quốc	Khánh	02/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,2	6,0	DBG004550	CNTT/20/4580	Đạt	
179	CNTT183	Vy Long	Khánh	25/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG004551	CNTT/20/4581	Đạt	
180	CNTT184	Đoàn Đăng	Khoa	03/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Dao	5,5	5,5	DBG004552	CNTT/20/4582	Đạt	
181	CNTT185	Nguyễn Văn	Khôi	08/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004553	CNTT/20/4583	Đạt	
182	CNTT186	Lương Hoàng	Khuyến	28/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004554	CNTT/20/4584	Đạt	
183	CNTT187	Hoàng Thị Thanh	Khuong	04/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG004555	CNTT/20/4585	Đạt	
184	CNTT188	Lê Trung	Kiên	24/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,0	DBG004556	CNTT/20/4586	Đạt	
185	CNTT189	Nông Trung	Kiên	20/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG004557	CNTT/20/4587	Đạt	
186	CNTT190	Vì Mai	Lan	01/04/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG004558	CNTT/20/4588	Đạt	
187	CNTT191	Ngô Thị	Lăng	27/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG004559	CNTT/20/4589	Đạt	
188	CNTT192	Ngô Thị Mỹ	Lệ	03/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	6,0	DBG004560	CNTT/20/4590	Đạt	
189	CNTT193	Lèo Thị	Liên	05/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	DBG004561	CNTT/20/4591	Đạt	
190	CNTT194	Hoàng Thị	Liễu	09/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG004562	CNTT/20/4592	Đạt	
191	CNTT195	Lăng Hoàng Diệu	Linh	14/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	DBG004563	CNTT/20/4593	Đạt	
192	CNTT196	Lý Việt	Linh	30/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG004564	CNTT/20/4594	Đạt	
193	CNTT197	Nguyễn Thị Hoài	Linh	30/09/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG004565	CNTT/20/4595	Đạt	
194	CNTT198	Hoàng Văn	Long	26/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,5	DBG004566	CNTT/20/4596	Đạt	
195	CNTT199	Vy Hoàng	Long	30/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG004567	CNTT/20/4597	Đạt	
196	CNTT200	Đàm Tấn	Lộc	20/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004568	CNTT/20/4598	Đạt	
197	CNTT201	Vy Thanh	Luân	25/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG004569	CNTT/20/4599	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
198	CNTT202	Triệu Đăng Lực	14/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,0	DBG004570	CNTT/20/4600	Đạt	
199	CNTT203	Du Thị Khánh Ly	01/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	DBG004571	CNTT/20/4601	Đạt	
200	CNTT204	Hoàng Thị Bích Ly	18/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,2	6,5	DBG004572	CNTT/20/4602	Đạt	
201	CNTT205	Hoàng Thị Cẩm Ly	27/05/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	6,0	DBG004573	CNTT/20/4603	Đạt	
202	CNTT206	Nguyễn Thị Hương Mai	29/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG004574	CNTT/20/4604	Đạt	
203	CNTT207	Lê Đức Mạnh	17/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004575	CNTT/20/4605	Đạt	
204	CNTT208	Lê Duy Mạnh	30/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004576	CNTT/20/4606	Đạt	
205	CNTT209	Trần Văn Mạnh	22/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG004577	CNTT/20/4607	Đạt	
206	CNTT210	Hoàng Thị Mây	10/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	6,0	DBG004578	CNTT/20/4608	Đạt	
207	CNTT211	Hoàng Công Minh	28/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004579	CNTT/20/4609	Đạt	
208	CNTT212	Hứa Duy Minh	07/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	DBG004580	CNTT/20/4610	Đạt	
209	CNTT213	Lèo Quang Minh	18/09/2003	Bắc Giang	Nam	Tày	5,5	5,5	DBG004581	CNTT/20/4611	Đạt	
210	CNTT214	Nguyễn Huy Minh	01/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004582	CNTT/20/4612	Đạt	
211	CNTT215	Nguyễn Thị Mùa	02/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,0	DBG004583	CNTT/20/4613	Đạt	
212	CNTT216	Đỗ Hoàng Nam	15/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG004584	CNTT/20/4614	Đạt	
213	CNTT217	Nguyễn Văn Nam	28/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004585	CNTT/20/4615	Đạt	
214	CNTT218	Phùng Thị Nga	28/12/2002	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	5,5	DBG004586	CNTT/20/4616	Đạt	
215	CNTT219	Chu Thị Bảo Ngân	02/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG004587	CNTT/20/4617	Đạt	
216	CNTT220	Triệu Văn Nghị	06/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004588	CNTT/20/4618	Đạt	
217	CNTT221	Vy Tuấn Nghiệp	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,5	DBG004589	CNTT/20/4619	Đạt	
218	CNTT222	Long Văn Nguyên	30/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004590	CNTT/20/4620	Đạt	
219	CNTT223	Ngô Long Nhật	04/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,0	DBG004591	CNTT/20/4621	Đạt	
220	CNTT224	Dương Thị Phương	08/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	5,5	DBG004592	CNTT/20/4622	Đạt	
221	CNTT225	Trần Thu Phượng	18/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG004593	CNTT/20/4623	Đạt	
222	CNTT226	Đinh Minh Quân	21/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	5,5	DBG004594	CNTT/20/4624	Đạt	
223	CNTT227	Đinh Văn Quân	05/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004595	CNTT/20/4625	Đạt	
224	CNTT228	Nguyễn Hồng Quân	01/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004596	CNTT/20/4626	Đạt	
225	CNTT229	Trần Văn Quyền	19/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004597	CNTT/20/4627	Đạt	
226	CNTT230	Dương Mai Quỳnh	30/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG004598	CNTT/20/4628	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
227	CNTT231	Hoàng Thanh	Quỳnh	13/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG004599	CNTT/20/4629	Đạt	
228	CNTT232	Nông Thị Hương	Quỳnh	02/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	7,0	DBG004601	CNTT/20/4630	Đạt	
229	CNTT233	Trần Thị Diễm	Quỳnh	15/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG004602	CNTT/20/4631	Đạt	
230	CNTT234	Hoàng Mạnh	Sang	14/09/2002	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG004603	CNTT/20/4632	Đạt	
231	CNTT235	Hoàng Mạnh	Sâm	04/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	5,5	DBG004604	CNTT/20/4633	Đạt	
232	CNTT236	Quản Thị	Sâm	30/05/2003	Bắc Giang	Nữ	Kinh	5,5	5,5	DBG004605	CNTT/20/4634	Đạt	
233	CNTT237	Hoàng Văn	Sự	05/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004606	CNTT/20/4635	Đạt	
234	CNTT238	Bùi Quang	Tại	24/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	5,5	DBG004607	CNTT/20/4636	Đạt	
235	CNTT239	Vì Thị Thanh	Thanh	10/08/2002	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG004608	CNTT/20/4637	Đạt	
236	CNTT240	Vì Tất	Thành	10/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004609	CNTT/20/4638	Đạt	
237	CNTT241	Hoàng Thị	Thảo	28/01/2003	Thanh Hóa	Nữ	Thái	5,5	6,0	DBG004610	CNTT/20/4639	Đạt	
238	CNTT242	Mạc Văn	Thảo	20/07/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004611	CNTT/20/4640	Đạt	
239	CNTT243	Chu Thị Hồng	Thắm	20/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,0	DBG004612	CNTT/20/4641	Đạt	
240	CNTT244	Phan Thị	Thắm	14/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	6,5	DBG004613	CNTT/20/4642	Đạt	
241	CNTT245	Đinh Văn	Thắng	09/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Ê đê	5,7	6,0	DBG004614	CNTT/20/4643	Đạt	
242	CNTT246	Lào Quyết	Thắng	18/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004615	CNTT/20/4644	Đạt	
243	CNTT247	Lưu Ngọc	Thắng	18/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004616	CNTT/20/4645	Đạt	
244	CNTT248	Nguyễn Quyết	Thắng	22/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	5,5	DBG004617	CNTT/20/4646	Đạt	
245	CNTT249	Lý Văn	Thế	01/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004618	CNTT/20/4647	Đạt	
246	CNTT250	Hoàng Văn	Thiệu	25/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,0	DBG004619	CNTT/20/4648	Đạt	
247	CNTT251	Hứa Văn	Thịnh	28/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	DBG004620	CNTT/20/4649	Đạt	
248	CNTT252	Hoàng Đình	Thu	12/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	DBG004621	CNTT/20/4650	Đạt	
249	CNTT253	Vì Văn	Thuận	09/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004622	CNTT/20/4651	Đạt	
250	CNTT255	Đàm Thị Anh	Thư	20/10/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	7,0	DBG004623	CNTT/20/4652	Đạt	
251	CNTT256	Hoàng Thị	Thư	22/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG004624	CNTT/20/4653	Đạt	
252	CNTT257	Hứa Văn	Thương	10/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	DBG004625	CNTT/20/4654	Đạt	
253	CNTT258	Lý Mạnh	Thương	12/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,5	DBG004626	CNTT/20/4655	Đạt	
254	CNTT259	Nguyễn Văn	Tiến	12/08/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	5,0	DBG004627	CNTT/20/4656	Đạt	
255	CNTT260	Lộc Minh	Tiếp	18/06/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,7	5,5	DBG004628	CNTT/20/4657	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
								Trắc nghiệm	Thực hành				
256	CNTT261	Hứa Văn	Tin	15/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004629	CNTT/20/4658	Đạt	
257	CNTT262	Lào Thùy	Trang	13/02/2003	Lạng Sơn	Nữ	Tày	5,5	5,5	DBG004630	CNTT/20/4659	Đạt	
258	CNTT263	Lương Ngọc	Trang	26/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	5,5	DBG004631	CNTT/20/4660	Đạt	
259	CNTT264	Vì Thùy	Trang	13/08/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,2	5,5	DBG004632	CNTT/20/4661	Đạt	
260	CNTT265	Mã Văn	Trọng	20/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004633	CNTT/20/4662	Đạt	
261	CNTT266	Đặng Đình	Trúc	20/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG004634	CNTT/20/4663	Đạt	
262	CNTT267	Hoàng Văn	Trương	21/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004635	CNTT/20/4664	Đạt	
263	CNTT268	Lý Văn	Trường	15/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	DBG004636	CNTT/20/4665	Đạt	
264	CNTT269	Triệu Mạnh	Trường	23/01/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	7,0	DBG004637	CNTT/20/4666	Đạt	
265	CNTT270	Hoàng Minh	Tú	21/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	7,0	DBG004638	CNTT/20/4667	Đạt	
266	CNTT271	Lý Mạnh	Tú	07/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,5	DBG004639	CNTT/20/4668	Đạt	
267	CNTT272	Ngô Văn	Tú	07/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	6,5	DBG004640	CNTT/20/4669	Đạt	
268	CNTT273	Triệu Quang	Tú	23/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	7,0	DBG004641	CNTT/20/4670	Đạt	
269	CNTT274	Vì Anh	Tú	01/09/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	DBG004642	CNTT/20/4671	Đạt	
270	CNTT275	Lâm Minh	Tuấn	17/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,5	DBG004643	CNTT/20/4672	Đạt	
271	CNTT276	Nguyễn Văn Tiến	Tuấn	03/10/2002	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	7,0	DBG004644	CNTT/20/4673	Đạt	
272	CNTT277	Vì Quốc	Tuấn	26/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004645	CNTT/20/4674	Đạt	
273	CNTT278	Đỗ Xuân	Tùng	28/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	5,5	DBG004646	CNTT/20/4675	Đạt	
274	CNTT279	Hoàng Thanh	Tùng	08/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004647	CNTT/20/4676	Đạt	
275	CNTT280	Hoàng Thị Thu	Uyên	20/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,7	6,5	DBG004648	CNTT/20/4677	Đạt	
276	CNTT281	Linh Thị Tú	Uyên	04/12/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,5	DBG004649	CNTT/20/4678	Đạt	
277	CNTT282	Lý Cẩm	Vân	15/01/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,0	DBG004650	CNTT/20/4679	Đạt	
278	CNTT283	Phạm Thị Khánh	Vân	02/11/2003	Lạng Sơn	Nữ	Kinh	5,7	5,5	DBG004651	CNTT/20/4680	Đạt	
279	CNTT284	Mã Văn	Việt	04/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,2	6,0	DBG004652	CNTT/20/4681	Đạt	
280	CNTT285	Đàm Hoa	Vinh	03/12/2002	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004653	CNTT/20/4682	Đạt	
281	CNTT286	Nông Ngọc	Vinh	05/10/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,0	DBG004654	CNTT/20/4683	Đạt	
282	CNTT288	Hoàng Tuấn	Vũ	25/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	7,5	DBG004655	CNTT/20/4684	Đạt	
283	CNTT289	Nguyễn Hữu	Vũ	25/07/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,5	6,0	DBG004656	CNTT/20/4685	Đạt	
284	CNTT290	Nguyễn Văn	Vũ	20/06/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004657	CNTT/20/4686	Đạt	

TT	SBD	Họ và tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Giới tính	Dân tộc	Điểm		Số hiệu chứng chỉ	Số vào sổ	Kết quả	Ghi chú
							Trắc nghiệm	Thực hành				
285	CNTT291	Nông Tuấn Vũ	25/02/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	7,0	DBG004658	CNTT/20/4687	Đạt	
286	CNTT292	Quản Tuấn Vũ	20/04/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,2	7,5	DBG004659	CNTT/20/4688	Đạt	
287	CNTT293	Vì Thiên Vũ	23/08/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,5	6,5	DBG004660	CNTT/20/4689	Đạt	
288	CNTT294	Hoàng Văn Vương	14/05/2003	Lạng Sơn	Nam	Nùng	5,7	6,0	DBG004661	CNTT/20/4690	Đạt	
289	CNTT295	Nguyễn Minh Vương	19/11/2003	Lạng Sơn	Nam	Kinh	5,7	6,5	DBG004662	CNTT/20/4691	Đạt	
290	CNTT296	Trần Hoàng Hà Vy	22/07/2003	Lạng Sơn	Nữ	Nùng	5,5	6,5	DBG004663	CNTT/20/4692	Đạt	
291	CNTT297	Vì Quốc Việt	28/12/2003	Lạng Sơn	Nam	Tày	5,7	6,0	DBG004664	CNTT/20/4693	Đạt	
292	CNTT298	Đào Thị Huê	28/05/1981	Bắc Giang	Nữ	Cao Lan	6,7	6,5	DBG004665	CNTT/20/4694	Đạt	
293	CNTT299	Nguyễn Thị Lương	15/08/1983	Bắc Giang	Nữ	Kinh	8,2	7,5	DBG004666	CNTT/20/4695	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách:

293

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

ThS. Đỗ Thị Huyền

Bắc Giang, ngày 02 tháng 11 năm 2020

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG THI

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Quang